

CÔNG TY CỔ PHẦN HÓA DƯỢC VIỆT NAM

Báo cáo tài chính hợp nhất đã được kiểm toán
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

MỤC LỤC

	Trang
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC	2 - 3
BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	4 - 5
BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN	
Bảng cân đối kế toán hợp nhất	6 - 7
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất	8
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất	9
Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất	10 - 34

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Hóa dược Việt Nam (sau đây gọi tắt là "Công ty") trình bày Báo cáo của mình và Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022.

Khái quát về Công ty

Công ty Cổ phần Hóa dược Việt Nam được thành lập và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0100108945 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 29/03/2005, đăng ký thay đổi lần 10 ngày 10/08/2022.

Công ty Cổ phần Hóa dược Việt Nam tiền thân là Xí nghiệp Hóa dược, được thành lập theo Quyết định số 827/BYT-QĐ ngày 23/09/1966 của Bộ trưởng Bộ Y tế. Ngày 08/12/2004, Bộ trưởng Bộ Y tế ra Quyết định số 4420/QĐ-BYT về phê duyệt phương án cổ phần hóa và chuyển Xí nghiệp Hóa dược thành Công ty Cổ phần Hóa dược Việt Nam.

Vốn điều lệ: 23.696.570.000 VND.

Số lượng cổ phiếu: 2.369.657 cổ phiếu.

Mệnh giá: 10.000 VND/ Cổ phiếu.

Trụ sở chính của Công ty tại số 273 phố Tây Sơn, phường Ngã Tư Sở, quận Đống Đa, Tp. Hà Nội.

Lĩnh vực kinh doanh của Công ty là sản xuất thuốc, hóa dược và dược liệu.

Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát và Ban Tổng Giám đốc

Các thành viên của Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát và Ban Tổng Giám đốc trong năm tài chính và cho đến thời điểm lập báo cáo này gồm:

Hội đồng quản trị

Ông Nguyễn Văn Châu	Chủ tịch HĐQT
Bà Lê Thị Minh Lý	Thành viên HĐQT
Ông Nguyễn Văn Quý	Thành viên HĐQT
Ông Đinh Văn Thịnh	Thành viên HĐQT
Ông Nguyễn Chí Tiến	Thành viên HĐQT

Ban kiểm soát

Ông Nguyễn Trọng Việt	Trưởng Ban kiểm soát
Bà Phạm Quỳnh Giang	Thành viên Ban kiểm soát
Ông Nguyễn Xuân Việt	Thành viên Ban kiểm soát

Ban Tổng Giám đốc

Ông Nguyễn Văn Châu	Tổng Giám đốc
Bà Lê Thị Minh Lý	Phó Tổng Giám đốc kiêm Kế toán trưởng
Ông Nguyễn Văn Quý	Phó Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Mạnh Hùng	Phó Tổng Giám đốc
Ông Trần Quốc Hùng	Phó Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Văn Điền	Phó Tổng Giám đốc

Đại diện pháp luật

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong năm tài chính và cho đến thời điểm lập báo cáo này là ông Nguyễn Văn Châu - Chủ tịch HĐQT kiêm Tổng Giám đốc.

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Kiểm toán viên

Công ty TNHH Kiểm toán và Định giá Quốc Tế được chỉ định kiểm toán Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022 của Công ty.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất phản ánh trung thực, hợp lý tình hình tài chính hợp nhất, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Công ty trong năm tài chính. Trong quá trình lập Báo cáo tài chính hợp nhất, Ban Tổng Giám đốc cam kết:

- Chọn lựa các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Thực hiện các xét đoán và các ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán được áp dụng có được tuân thủ hay không và tất cả các sai lệch trọng yếu đã được trình bày và giải thích trong Báo cáo tài chính hợp nhất;
- Lập Báo cáo tài chính hợp nhất trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động liên tục;
- Thiết lập và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu nhằm hạn chế rủi ro có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.

Ban Tổng Giám đốc đảm bảo các sổ kế toán có liên quan được lưu giữ đầy đủ để phản ánh tình hình tài chính, tình hình hoạt động của Công ty với mức độ chính xác hợp lý tại bất kỳ thời điểm nào và các sổ kế toán tuân thủ chế độ kế toán áp dụng. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm quản lý các tài sản của Công ty và do đó đã thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.

Ban Tổng Giám đốc cam kết đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất.

Phê duyệt Báo cáo tài chính hợp nhất

Ban Tổng Giám đốc phê duyệt Báo cáo tài chính hợp nhất đính kèm. Báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính hợp nhất của Công ty tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2022, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và các luồng lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính cùng ngày, phù hợp với các chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các qui định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.

Ban Tổng Giám đốc cam kết đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất

Thay mặt Ban Tổng Giám đốc,



Nguyễn Văn Châu

Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 04 tháng 03 năm 2023

Số: 25111/2022/BCTC/IAV

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: Các Cổ đông, Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc
Công ty Cổ phần Hóa dược Việt Nam

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo của Công ty Cổ phần Hóa dược Việt Nam (Sau đây gọi tắt là "Công ty") được lập ngày 04 tháng 03 năm 2023, từ trang 06 đến trang 34, bao gồm: Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31/12/2022, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính hợp nhất dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính hợp nhất. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính hợp nhất do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính hợp nhất.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính hợp nhất của Công ty Cổ phần Hóa dược Việt Nam tại ngày 31/12/2022, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán Việt Nam, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.

Vấn đề cần nhấn mạnh

Chúng tôi cần lưu ý người đọc đến thuyết minh 7.5 trong bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất "Các sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính". Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022 được lập ngày 04/03/2023 chưa bao gồm việc điều chỉnh giảm chi phí tiền thuê đất được giảm theo Quyết định của Thủ tướng Chính phủ số 01/2023/QĐ-TTg ngày 31/01/2023 (nếu có). Ý kiến kiểm toán của chúng tôi không liên quan đến vấn đề này.

Vấn đề khác

Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021 của Công ty Cổ phần Hóa dược Việt Nam đã được kiểm toán bởi kiểm toán viên của Công ty TNHH Kiểm toán AFC Việt Nam – Chi nhánh Phía Bắc. Kiểm toán viên đã đưa ra ý kiến chấp nhận toàn phần đối với Báo cáo tài chính hợp nhất đính kèm vào ngày 04/03/2023.



Nguyễn Hữu Hoàn

Giám đốc

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán
số: 2417-2023-283-1

Thay mặt và đại diện cho

CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ ĐỊNH GIÁ QUỐC TẾ

Hà Nội, ngày 04 tháng 03 năm 2023

Nguyễn Phương Thúy

Kiểm toán viên

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán
số: 4567-2022-283-1

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2022

TÀI SẢN	Mã số	TM	Đơn vị tính: VND	
			31/12/2022	01/01/2022
A/ TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		103.908.358.752	95.299.441.801
I/ Tiền và các khoản tương đương tiền	110	5.1	20.549.314.684	14.045.956.263
1. Tiền	111		20.549.314.684	14.045.956.263
II/ Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		4.223.627.816	3.559.714.015
1. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123	5.2	4.223.627.816	3.559.714.015
III/ Các khoản phải thu ngắn hạn	130		38.537.661.302	41.460.812.265
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	5.3	31.496.911.630	33.272.211.065
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	5.4	1.412.183.847	4.190.862.251
3. Phải thu về cho vay ngắn hạn	135	5.6	4.708.622.000	3.243.028.608
4. Phải thu ngắn hạn khác	136	5.7	1.971.058.333	1.805.824.849
5. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	5.5	(1.051.114.508)	(1.051.114.508)
IV/ Hàng tồn kho	140		39.986.617.486	34.523.570.013
1. Hàng tồn kho	141	5.8	39.986.617.486	34.523.570.013
V/ Tài sản ngắn hạn khác	150		611.137.464	1.709.389.245
1. Thuế GTGT được khấu trừ	152		601.465.464	1.692.367.245
2. Thuế và các khoản phải thu Nhà nước	153	5.14	9.672.000	17.022.000
B/ TÀI SẢN DÀI HẠN	200		91.360.408.535	90.223.715.149
I/ Các khoản phải thu dài hạn	210		-	-
1. Trả trước cho người bán dài hạn	212	5.4	1.028.567.628	1.028.567.628
2. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	219	5.5	(1.028.567.628)	(1.028.567.628)
II/ Tài sản cố định	220		91.326.982.758	83.326.430.705
1. Tài sản cố định hữu hình	221	5.9	91.326.982.758	83.326.430.705
- Nguyên giá	222		184.403.993.522	162.944.527.415
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(93.077.010.764)	(79.618.096.710)
III/ Bất động sản đầu tư	230		-	-
IV/ Tài sản dở dang dài hạn	240		-	6.879.000.000
1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242		-	6.879.000.000
V/ Đầu tư tài chính dài hạn	250		-	-
VI/ Tài sản dài hạn khác	260		33.425.777	18.284.444
1. Chi phí trả trước dài hạn	261		33.425.777	18.284.444
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		195.268.767.287	185.523.156.950

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2022

NGUỒN VỐN	Mã số	TM	Đơn vị tính: VND	
			31/12/2022	01/01/2022
C/ NỢ PHẢI TRẢ	300		64.905.796.160	75.468.606.389
I/ Nợ ngắn hạn	310		58.749.536.160	67.669.501.389
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	5.10	15.651.608.078	23.844.347.623
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	5.11	5.382.738.811	7.827.295.067
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	5.14	1.463.614.892	822.597.951
4. Phải trả ngắn hạn khác	319	5.12	3.869.263.020	3.523.076.015
5. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	5.13	30.991.200.534	30.544.722.784
6. Quỹ khen thưởng phúc lợi	322		1.391.110.825	1.107.461.949
II/ Nợ dài hạn	330		6.156.260.000	7.799.105.000
1. Phải trả dài hạn khác	337	5.12	2.500.000.000	2.500.000.000
2. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	5.13	3.656.260.000	5.292.960.000
3. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	343		-	6.145.000
D/ VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		130.362.971.127	110.054.550.561
I/ Vốn chủ sở hữu	410	5.15	130.362.971.127	110.054.550.561
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		23.696.570.000	21.483.900.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		23.696.570.000	21.483.900.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		11.160.649.000	8.947.979.000
3. Quỹ đầu tư phát triển	418		21.602.284.809	18.689.668.240
4. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420		2.369.657.000	2.148.390.000
5. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		70.211.695.966	57.501.632.128
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước	421a		55.279.322.191	45.232.045.592
- LNST chưa phân phối năm nay	421b		14.932.373.775	12.269.586.536
6. Lợi ích cổ đông không kiểm soát	429		1.322.114.352	1.282.981.193
II/ Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		195.268.767.287	185.523.156.950

TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN



Nguyễn Văn Châu
Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 04 tháng 03 năm 2022

Lê Thị Minh Lý
Kế toán trưởng

Phạm Quỳnh Giang
Người lập biểu

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	Mã số	TM	Năm 2022	Năm 2021
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	6.1	222.252.921.134	190.204.909.179
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02	6.2	305.830.000	375.211.500
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		221.947.091.134	189.829.697.679
4. Giá vốn hàng bán	11	6.3	158.643.780.896	130.861.340.348
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		63.303.310.238	58.968.357.331
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	6.4	701.821.679	771.328.431
7. Chi phí tài chính	22	6.5	2.902.832.192	2.627.205.708
Trong đó: Chi phí lãi vay	23		2.902.832.192	2.519.075.162
8. Phần lãi hoặc lỗ trong công ty liên doanh, liên kết	24		-	-
9. Chi phí bán hàng	25	6.6	14.761.806.889	18.596.340.220
10. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	6.7	23.103.408.412	21.795.926.706
11. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		23.237.084.424	16.720.213.128
12. Thu nhập khác	31	6.8	3.378.780.173	4.906.714.760
13. Chi phí khác	32	6.9	2.175.899.370	1.722.378.069
14. Lợi nhuận khác	40		1.202.880.803	3.184.336.691
15. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		24.439.965.227	19.904.549.819
16. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	6.10	5.324.947.385	2.822.597.951
17. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		-	-
18. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp.	60		19.115.017.842	17.081.951.868
- LNST của cổ đông của công ty mẹ	61		19.075.884.683	17.109.765.180
- LNST của cổ đông không kiểm soát	62		39.133.159	(27.813.312)
19. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	6.11	8.698	7.840
20. Lãi suy giảm trên cổ phiếu	71	6.11	8.698	7.840



Nguyễn Văn Châu
Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 04 tháng 03 năm 2022

Lê Thị Minh Lý
Kế toán trưởng

Phạm Quỳnh Giang
Người lập biểu

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT

(Theo phương pháp gián tiếp)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Chỉ tiêu	MS	Đơn vị tính: VND	
		Năm 2022	Năm 2021
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh			
1. Lợi nhuận trước thuế	01	20.411.973.592	19.904.549.819
2. Điều chỉnh cho các khoản			
- Khấu hao TSCĐ và BĐSĐT	02	13.603.779.933	10.921.834.660
- Các khoản dự phòng	03	-	2.079.682.136
- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04	(2.267.387)	1.309.226
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05	(672.976.908)	(848.205.628)
- Chi phí lãi vay	06	2.866.320.528	2.519.075.162
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08	36.206.829.758	34.578.245.375
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09	5.486.996.136	(15.395.106.976)
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10	(5.463.047.473)	(551.874.771)
- Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế TNDN phải nộp)	11	(6.723.872.976)	8.504.475.279
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12	(15.141.333)	(7.902.361)
- Tiền lãi vay đã trả	14	(2.784.430.114)	(2.519.075.162)
- Thuế TNDN đã nộp	15	(4.678.930.443)	(2.519.149.175)
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17	(2.500.000)	(96.300.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	22.025.903.555	21.993.312.209
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư			
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21	(14.751.370.869)	(29.735.251.426)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22	5.000.000	181.818.182
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23	(13.997.304.233)	(12.202.253.872)
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại công cụ nợ của đơn vị khác	24	12.005.489.823	14.024.488.150
5. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	556.323.008	666.387.446
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	(16.181.862.271)	(27.064.811.520)
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính			
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31	4.425.340.000	-
2. Tiền thu từ đi vay	33	45.810.671.592	87.016.221.466
3. Tiền trả nợ gốc vay	34	(47.000.893.842)	(80.496.031.300)
4. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	(2.578.068.000)	(2.578.068.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	657.049.750	3.942.122.166
Lưu chuyển tiền thuần trong năm	50	6.501.091.034	(1.129.377.145)
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	14.045.956.263	15.176.642.634
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61	2.267.387	(1.309.226)
Tiền và tương đương tiền cuối năm	70	20.549.314.684	14.045.956.263



Nguyễn Văn Châu

Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 04 tháng 03 năm 2022

Lê Thị Minh Lý

Kế toán trưởng

Phạm Quỳnh Giang

Người lập biểu